|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2021/QH15 | *Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

**(DỰ THẢO)**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều,**

**bao trùm, bền vững đến năm 2030**

**QUỐC HỘI**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số /TTr-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ về việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững đến năm 2030,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1**

Quốc hội cơ bản tán thành với Báo cáo của Chính phủ về kết quả, hạn chế, nguyên nhân trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020. Kết quả giảm nghèo góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa. Cả hệ thống chính trị nỗ lực thực hiện công cuộc giảm nghèo, đạt được nhiều thành tựu nổi bật, giúp cho hàng triệu hộ thoát nghèo, nhiều hộ vươn lên khá giả; hoàn thành sớm mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên Hợp quốc về xóa đói giảm nghèo, được nhân dân ghi nhận, cộng đồng quốc tế đánh giá là điểm sáng về giảm nghèo trên thế giới.

Tuy nhiên, kết quả giảm nghèo chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo và phát sinh nghèo còn cao, chênh lệch giàu - nghèo còn lớn; một số nơi có tỷ lệ hộ nghèo cao; đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; một số cơ chế, chính sách chưa phát huy được nội lực của người dân.

**Điều 2**

Để đạt được mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững đến năm 2030, Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Đạt mục tiêu giảm tỷ lệ nghèo đa chiều 1 - 1,5% hằng năm, hạn chế tình trạng tái nghèo và phát sinh nghèo. Đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm bình quân trên 3%/năm; 50% huyện nghèo, 50% xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng khó khăn. Đến năm 2030, phấn đấu cơ bản các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng khó khăn, xây dựng tiêu chí nông thôn mới.

2. Hoàn thiện phương pháp đo lường nghèo đa chiều có tính đến đặc thù vùng, miền, dễ đo lường, người dân tự xác định được tình trạng nghèo của hộ gia đình; áp dụng chuẩn nghèo đa chiều quốc gia bảo đảm mức sống tối thiểu và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân.

3. Tiếp tục xây dựng và ưu tiên nguồn lực, thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững nhằm đạt mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững. Thực hiện đồng bộ, lồng ghép nguồn lực Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong nước và quốc tế cho công tác giảm nghèo.

4. Đổi mới chính sách giảm nghèo, tập trung phát triển chính sách hỗ trợ có điều kiện, từng bước xóa bỏ chính sách hỗ trợ cho không; hỗ trợ người nghèo nâng cao năng lực sản xuất, có việc làm, thu nhập tốt, vượt lên mức sống tối thiểu và giải quyết hiệu quả các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản; xây dựng chính sách trợ giúp xã hội đối với hộ nghèo không có khả năng lao động; nghiên cứu, xây dựng chính sách bảo đảm an sinh xã hội tối thiểu, chú trọng chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo và chuyển đổi số trong lĩnh vực giảm nghèo. Thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển các hình thức tổ chức sản xuất tạo sinh kế, việc làm bền vững cho người nghèo.

5. Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với người nghèo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên lực lượng lao động, nhất là lao động thuộc hộ nghèo. Hình thành đội ngũ lao động lành nghề, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng lao động. Tập trung hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thông tin dự báo thị trường lao động và chất lượng dịch vụ việc làm. Tạo việc làm đầy đủ, việc làm tốt cho tất cả mọi người.

6. Đổi mới cơ chế quản lý, xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế, thực hiện bao phủ chăm sóc sức khoẻ toàn dân, tăng cơ hội tiếp cận cho người nghèo; thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, phấn đấu tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên 95% dân số, đa dạng mức đóng và mức hưởng.

7. Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, xóa bỏ các điểm trường; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học bắt buộc; giảm tỉ lệ mù chữ ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; phát triển hài hoà giữa các vùng, miền, ưu tiên các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách.

8. Xây dựng chương trình, cơ chế giải quyết cơ bản nhu cầu về nhà ở cho người nghèo, bảo đảm chất lượng nhà ở và diện tích nhà ở bình quân đầu người theo quy định; bổ sung cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển mạnh mẽ nhà ở xã hội; bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cơ chế xã hội hóa thực hiện Chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường. Bảo đảm quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của nhân dân, đặc biệt là người nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

9. Tăng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội dành cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác. Tiếp tục hoàn thiện chính sách tín dụng ưu đãi theo hướng mở rộng đối tượng, hình thức cho vay, nâng mức cho vay, thời hạn cho vay phù hợp với mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững; gắn các hoạt động cho vay với các dự án sản xuất kinh doanh, tạo sinh kế, việc làm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

10. Thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội kết nối vùng khó khăn với vùng phát triển, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư ở địa bàn khó khăn, giảm nghèo gắn với quốc phòng - an ninh. Giải quyết cơ bản đất ở, đất sản xuất, giao rừng, cho thuê rừng và quyền sử dụng đất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tiếp tục giải quyết tình trạng di dân không theo quy hoạch; xem xét cân đối, điều chỉnh đất của các nông, lâm trường sử dụng không hiệu quả để giao cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu đất sản xuất.

11. Kiện toàn hệ thống, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước lĩnh vực giảm nghèo theo hướng tập trung, thống nhất. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan điều phối về giảm nghèo các cấp, sắp xếp lại tổ chức bộ máy hiện có; xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

**Điều 3**

1. Chính phủ xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách; phân bổ nguồn lực, chỉ đạo triển khai thực hiện và sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện chính sách giảm nghèo. Tiến hành sơ kết, báo cáo Quốc hội năm 2025; tổng kết, báo cáo Quốc hội năm 2030.

2. Hội đồng nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xây dựng và ban hành chính sách, phân bổ nguồn lực và giám sát việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại địa phương.

3. Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm toàn diện trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo, xây dựng giải pháp, mô hình phù hợp với địa bàn; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; phát huy dân chủ, công khai, minh bạch; nâng cao năng lực của chính quyền cơ sở và cán bộ trực tiếp làm công tác giảm nghèo.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tiếp tục phát huy vai trò giám sát, làm nòng cốt vận động sự tham gia của tổ chức trong và ngoài nước, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, cá nhân trong việc thực hiện công tác giảm nghèo.

5. Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

*Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2021.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH QUỐC HỘI** |